UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ TÀI CHÍNH
Số: /TTr-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, theo đó:

- Tại điểm d và đ khoản 9 Điều 31 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như sau:

"d) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và Điều 41 của Luật này;

đ) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã;"

- Tại Điều 41 quy định về nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã: "Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương".

b) Căn cứ Nghị quyết số 08/2026/UBTVQH16 ngày 08/7/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương trong giai đoạn 2027-2030; tại khoản 2 Điều 5 quy định: "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân chia thuế giá trị gia tăng (phần ngân sách địa phương

được hưởng) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước".

2. Cơ sở thực tiễn

Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND được ban hành trong thời gian đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; nhiều quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã tiếp tục được Trung ương, địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung.

Qua tổng hợp kiến nghị, đề xuất của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và tổ chức vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, một số xã, phường đề nghị được điều tiết, phân chia lại hoặc để lại tỷ lệ cao hơn đối với một số khoản thu phát sinh trên địa bàn, như: nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất, nguồn thu từ các dự án điện gió, thủy điện, điện mặt trời, thuế của doanh nghiệp trên địa bàn và nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời đề nghị tăng tính chủ động cho ngân sách cấp xã để thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội, đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Từ thực tiễn nêu trên, Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND cần được tiếp tục rà soát để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn sau sắp xếp đơn vị hành chính, trên cơ sở đánh giá toàn diện tác động, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, khả năng cân đối ngân sách, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

Ngày 29/7/2026, HĐND tỉnh có Công văn số 749/HĐND-VP về việc thực hiện Công văn số 817-CV/UBKTTU, ngày 14/7/2026 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; trong đó HĐND tỉnh có ý kiến: đề nghị UBND tỉnh căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, nghiên cứu, rà soát, đánh giá toàn diện tác động của việc điều chỉnh tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, nhu cầu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách. Trên cơ sở kết quả rà soát, xét thấy sự cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, trình HĐND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định.

Ngày 27/8/2026, UBND tỉnh có Công văn số 13499/UBND-ĐTKT về việc đăng ký xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh về lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước.

Ngày 11/9/2026, Thường trực HĐND tỉnh có Công văn số 891/HĐND-VP về việc có ý kiến đối với Công văn số 13499/UBND-ĐTKT ngày 27/8/2026 của UBND tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc ban hành Nghị quyết nhằm sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND cho phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời xử lý các nội dung phát sinh trong thực tiễn cần điều chỉnh trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện trong năm 2026.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết thực hiện trên quan điểm sau:

Thứ nhất, đảm bảo phù hợp về thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 và điểm d, đ khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; theo đúng trình tự thủ tục ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Thứ hai, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động linh hoạt, phát huy cao nhất sức sáng tạo của các ngành, các xã, phường; nâng cao sự tự chủ của các địa phương.

Thứ ba, kế thừa những quy định hiện hành đã được thực tiễn chứng minh đem lại các tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tính công khai minh bạch, dân chủ và giám sát của cộng đồng trong quản lý NSNN.

Thứ năm, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện về địa lý, tự nhiên, dân số của các địa phương trong tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Ngày 27/8/2026, UBND tỉnh có Công văn số 13499/UBND-ĐTKT về việc đăng ký xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh về lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước.

2. Ngày 11/9/2026, Thường trực HĐND tỉnh có Công văn số 891/HĐND-VP về việc có ý kiến đối với Công văn số 13499/UBND-ĐTKT ngày 27/8/2026 của UBND tỉnh.

3. Ngày 30/9/2026, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 433/TB-UBND về việc phân công cơ quan soạn thảo dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh.

4. Ngày 02/10/2026, Sở Tài chính ban hành Quyết định số 1049/QĐ-STC về việc thành lập tổ soạn thảo xây dựng Nghị quyết.

5. Ngày ..../11/2026, Sở Tài chính gửi các cơ quan, đơn vị về việc xin ý kiến hồ sơ xây dựng Nghị quyết tại Công văn: ..../STC-TH&QLNS.

6. Ngày ...../11/2026, Sở Tài chính có Công văn số ..../STC-TH&QLNS về việc đăng dự thảo Nghị quyết.

7. Ngày .../11/2026, Sở Tài chính có Công văn số .../STC-TH&QLNS gửi Sở Tư pháp về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết.

8. Ngày ...../11/2026, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết tại Báo cáo số ..../BCTĐ-STP.

9. Ngày ....../11/2026, Sở Tài chính có Báo cáo số ..../BC-STC về việc Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

10. Sở Tài chính đã thực hiện đúng trình tự quy định và được thông qua tại cuộc họp lấy ý kiến góp ý của các thành viên UBND tỉnh ngày ...../…./2026.

11. Tiếp thu ý kiến góp ý của các thành viên UBND tỉnh, UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình HĐND tỉnh thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026.

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Các khoản thu phân chia: Giữ nguyên 08 khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND.

3.2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

3.2.1. Nguyên tắc xác định tỷ lệ phân chia

Việc xác định tỷ lệ phân chia cần đồng thời bảo đảm các nguyên tắc: (1) Bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh; (2) Căn cứ định mức phân bổ chi đầu tư, chi thường xuyên theo các Nghị quyết HĐND tỉnh; (3) Thực hiện đúng nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; (4) Tạo sự ổn định lâu dài để tăng tính chủ động cho NSĐP.

Việc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã được xây dựng trên cơ sở cân đối tổng thể nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách, gắn với khả năng tạo nguồn thu và điều kiện thực tế của từng địa phương. Việc xác định tỷ lệ phân chia nguồn thu phải căn cứ vào số thu ngân sách cấp xã thực tế được hưởng theo phân cấp, nhiệm vụ chi được giao, định mức phân bổ ngân sách và khả năng cân đối của từng địa phương. Trường hợp nguồn thu ngân sách cấp xã được hưởng theo phân cấp không đáp ứng nhiệm vụ chi theo quy định, ngân sách cấp tỉnh thực hiện bổ sung cân đối; đối với địa phương có khả năng cân đối cao hơn, việc xác định tỷ lệ phân chia cần bảo đảm hài hòa giữa quyền chủ động của ngân sách cấp xã và trách nhiệm điều hòa nguồn lực của ngân sách cấp tỉnh.

Theo đó, nguồn thu ngân sách cấp xã được hưởng theo phân cấp và từ các khoản thu phân chia được xem xét trong tương quan với nhu cầu thực hiện nhiệm vụ chi được giao, nhằm tăng tính chủ động cho các xã, phường; đồng thời bảo đảm ngân sách cấp tỉnh có nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi thuộc cấp tỉnh và điều hòa, hỗ trợ các địa phương có nguồn thu thấp. Đối với các địa phương có quy mô thu lớn, tỷ lệ phân chia được xác định phù hợp với khả năng cân đối thu, chi để điều tiết một phần nguồn thu về ngân sách cấp tỉnh, bảo đảm hài hòa giữa tăng cường phân cấp nguồn thu cho cấp xã và yêu cầu cân đối chung của ngân sách địa phương.

Ngoài ra, tỉnh Đắk Lắk là tỉnh nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương. Theo phương án dự kiến dự toán năm 2027, thu ngân sách nhà nước là 25.325 tỷ đồng; ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 22.917 tỷ đồng; chi cân đối ngân sách địa phương là 44.307 tỷ đồng. Để cân đối ngân sách địa phương, ngân sách trung ương bổ sung cân đối cho tỉnh 21.196 tỷ đồng và tỉnh vay 194 tỷ đồng để bù đắp bội chi. Nguồn ngân sách trung ương bổ sung cân đối chiếm 47,8% tổng chi cân đối ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó, việc xác định tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã cần gắn với khả năng cân đối thu, chi của từng xã, phường.

Các khoản thu phân chia quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 (phần ngân sách địa phương hưởng được xem là 100%) và thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã.

3.2.2. Về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

Trên cơ sở kết quả tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND và rà soát khả năng cân đối ngân sách, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách, Sở Tài chính đề xuất giữ nguyên tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với một số khoản thu và sửa đổi tỷ lệ phân chia đối với các khoản thu khác giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã, cụ thể như sau:

a) Giữ nguyên tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND đối với các khoản thu sau: (1) Thuế bảo vệ môi trường; (2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản,

tài nguyên nước do cơ quan trung ương cấp phép; (3) Tiền thuê đất: (4) Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu).

b) Sửa đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với các khoản thu: (1) Thuế thu nhập cá nhân; (2) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu); (3) Thuế giá trị gia tăng; (4) Tiền sử dụng đất. Phương án xác định các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã như sau:

b1) Phương án xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia thuế giá trị gia tăng: Đề xuất ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% phần thuế giá trị gia tăng ngân sách địa phương được hưởng. Cơ sở đề xuất như sau:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) được phân chia theo tỷ lệ ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%; việc phân chia cho từng địa phương được thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Theo Nghị quyết số 08/2026/UBTVQH16 ngày 08/7/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phần thuế giá trị gia tăng ngân sách các địa phương được hưởng trong giai đoạn 2027-2030 được phân chia cho từng tỉnh, thành phố theo các tiêu chí về dân số, diện tích tự nhiên và GRDP bình quân đầu người, thông qua phương pháp tính điểm và xác định tỷ trọng phân bổ. Theo đó, số thuế giá trị gia tăng tỉnh Đắk Lắk được hưởng được xác định theo cơ chế phân bổ chung của Trung ương, không căn cứ trực tiếp vào số thu phát sinh trên địa bàn từng xã, phường. Đồng thời, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết quy định HĐND cấp tỉnh quyết định việc phân chia phần thuế giá trị gia tăng ngân sách địa phương được hưởng giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở cơ chế phân bổ nguồn thu nêu trên, điều kiện cân đối ngân sách và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách, đề xuất **ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% phần thuế giá trị gia tăng ngân sách địa phương được hưởng từ năm 2027**, với các lý do sau:

Thứ nhất, bảo đảm tính phù hợp và khả thi trong tổ chức thực hiện cơ chế phân bổ thuế giá trị gia tăng mới

Do phần thuế giá trị gia tăng ngân sách địa phương được hưởng được xác định theo cơ chế phân bổ chung của Trung ương, việc tiếp tục phân chia khoản thu này cho từng xã, phường cần có phương pháp phân bổ, hạch toán và đối chiếu phù hợp, bảo đảm thống nhất với số thu thực tế ngân sách địa phương được hưởng. Trong giai đoạn đầu áp dụng cơ chế mới từ năm 2027, phương án ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% khoản thu này giúp đơn giản hóa việc tổ chức phân chia trong nội bộ tỉnh, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và điều hành ngân sách.

Việc lựa chọn phương án này không xuất phát từ việc không thể phân chia thuế giá trị gia tăng cho cấp xã, mà trên cơ sở cân nhắc tính phù hợp và hiệu quả của việc thiết lập thêm một cơ chế phân bổ nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương.

Thứ hai, bảo đảm nguồn lực thực hiện trách nhiệm cân đối và điều hòa ngân sách của cấp tỉnh.

Theo phương án dự kiến dự toán năm 2027, tổng chi cân đối ngân sách địa phương là 44.307 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương bổ sung cân đối 21.196 tỷ đồng, chiếm khoảng 47,8%. Trong điều kiện nguồn lực tự cân đối còn hạn chế, ngân sách cấp tỉnh vừa phải bảo đảm nhiệm vụ chi thuộc cấp mình, vừa thực hiện trách nhiệm bổ sung nguồn lực cho các xã, phường chưa tự cân đối được ngân sách.

Việc phân chia một phần thuế giá trị gia tăng cho ngân sách cấp xã làm thay đổi cơ cấu nguồn thu giữa các cấp ngân sách nhưng không làm tăng tổng nguồn lực ngân sách địa phương. Vì vậy, cần xem xét đồng thời số thu cấp xã được hưởng trực tiếp, mức bổ sung cân đối và khả năng điều hòa nguồn lực của ngân sách cấp tỉnh. Phương án ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% khoản thu này tạo điều kiện tập trung nguồn lực để thực hiện trách nhiệm cân đối chung, nhất là đối với các địa phương có khả năng thu thấp nhưng nhu cầu chi lớn.

Thứ ba, bảo đảm công bằng trong phân bổ nguồn lực giữa các xã, phường có điều kiện phát triển khác nhau.

Tỉnh Đắk Lắk có 102 xã, phường với sự khác biệt lớn về quy mô dân số, diện tích, điều kiện địa lý, khả năng tạo nguồn thu và nhu cầu chi ngân sách. Trong khi một số địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và tạo nguồn thu, nhiều xã miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nguồn thu hạn chế nhưng vẫn phải bảo đảm đầy đủ các nhiệm vụ chi theo phân cấp.

Vì vậy, việc phân bổ nguồn lực ngân sách cần gắn với nhiệm vụ chi, định mức phân bổ và điều kiện đặc thù của từng địa phương, thay vì chỉ căn cứ vào quy mô nguồn thu phát sinh trên địa bàn. Phương án tập trung thuế giá trị gia tăng tại ngân sách cấp tỉnh tạo điều kiện thực hiện điều hòa nguồn lực thông qua cơ chế bổ sung ngân sách theo quy định, góp phần hạn chế chênh lệch về khả năng bảo đảm nhiệm vụ chi giữa các xã, phường.

Thứ tư, bảo đảm sự thống nhất giữa phân cấp nguồn thu, phân cấp nhiệm vụ chi và khả năng chủ động của ngân sách cấp xã.

Việc đánh giá mức độ phân cấp ngân sách cần được thực hiện trên cơ sở tổng thể các khoản thu ngân sách cấp xã được hưởng, nhiệm vụ chi được giao và số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh, không chỉ căn cứ vào tỷ lệ được hưởng trực tiếp đối với một khoản thu riêng lẻ.

Theo phương án sửa đổi Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND, tỉnh đồng thời nghiên cứu điều chỉnh tỷ lệ phân chia thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền sử dụng đất nhằm tạo thêm nguồn lực cho ngân sách cấp xã phù hợp với điều kiện thực tế. Đối với các địa phương có nguồn thu được hưởng theo phân

cấp chưa đáp ứng nhu cầu chi theo quy định, ngân sách cấp tỉnh thực hiện bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu theo thẩm quyền.

Do đó, việc ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% phần thuế giá trị gia tăng không đồng nghĩa với việc ngân sách cấp xã không được thụ hưởng nguồn lực từ khoản thu này. Tuy nhiên, để bảo đảm tính chủ động của cấp xã, việc xác định số bổ sung ngân sách phải gắn với nhiệm vụ chi, định mức phân bổ và khả năng cân đối thực tế của từng địa phương.

Từ những phân tích nêu trên, phương án ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% phần thuế giá trị gia tăng ngân sách địa phương được hưởng từ năm 2027 được đề xuất trên cơ sở đặc điểm cơ chế phân bổ nguồn thu mới, trách nhiệm cân đối chung của ngân sách cấp tỉnh và yêu cầu bảo đảm nguồn lực thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã. Phương án này nhằm bảo đảm sự tập trung cần thiết đối với nguồn thu được phân bổ theo cơ chế chung, đồng thời thực hiện điều hòa nguồn lực giữa các địa phương thông qua cơ chế bổ sung ngân sách theo quy định.

Việc lựa chọn tỷ lệ phân chia cần được xem xét trong tổng thể phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và kết quả đánh giá tác động đối với ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã; bảo đảm không làm ảnh hưởng đến nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi được giao của chính quyền địa phương hai cấp.

b2) Phương án xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia 02 sắc thuế (TNDN; TNCN)

Đây là các khoản thu có mối quan hệ chặt chẽ với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh, mức độ phát triển kinh tế và thu nhập của dân cư trên địa bàn nên cần phân chia theo nhóm địa phương. Phương án phân nhóm như sau:

Theo phương án dự kiến dự toán năm 2027, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương chiếm khoảng 47,8% tổng chi cân đối ngân sách địa phương của tỉnh Đắk Lắk. Phần lớn các xã, phường trong tỉnh có nguồn thu ngân sách được hưởng theo phân cấp chưa đủ để bảo đảm nhiệm vụ chi cân đối ngân sách cấp xã và phải nhận số thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh.

Để phục vụ việc xem xét phương án phân nhóm địa phương, sử dụng số ước thu thuế, phí và số ước chi thường xuyên trên địa bàn năm 2026 làm nền số liệu so sánh. Trên nền số liệu này, xác định lại số thu đưa vào so sánh theo cơ chế phân chia dự kiến áp dụng năm 2027, bằng cách loại trừ toàn bộ thuế GTGT và phần ngân sách trung ương được hưởng đối với các khoản thu còn lại theo tỷ lệ dự kiến năm 2027.

Kết quả so sánh này phản ánh tương quan thu, chi trên địa bàn để phục vụ phân nhóm, không đồng nhất với khả năng tự cân đối của ngân sách cấp xã sau khi phân chia nguồn thu. Khi có số liệu thu, chi chính thức, phương án đề xuất tỷ lệ phân chia sẽ được tiếp tục rà soát, hoàn thiện. Kết quả rà soát như sau:

- Theo phương pháp tính có 04 phường sau có số ước thu thuế, phí loại trừ toàn bộ thuế GTGT và phần ngân sách trung ương được hưởng (*sau đây viết tắt là thu thuế, phí (theo cách tính)*) lớn hơn chi thường xuyên.

+ Phường Buôn Ma Thuột: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 1.109 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 729 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là 380 tỷ đồng;

+ Phường Thành Nhất: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 272 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 250 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là 22 tỷ đồng;

+ Phường Tuy Hòa: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 742 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 593 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là 149 tỷ đồng;

+ Phường Tân An: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 665 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 304 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là 361 tỷ đồng;

- Các xã, phường còn lại có số thu thuế, phí (theo cách tính) nhỏ hơn chi thường xuyên. Trong đó, một số xã, phường thuộc nhóm điều tiết về ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND có kết quả so sánh thu, chi theo cách tính mới chưa cho thấy dư địa điều tiết. Kết quả này là cơ sở xem xét phân nhóm; khả năng điều tiết cần được đánh giá trên cơ sở nguồn thu ngân sách cấp xã thực tế được hưởng theo phân cấp và nhiệm vụ chi được giao, cụ thể:

+ Phường Bình Kiến: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 117 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 188 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 71 tỷ đồng;

+ Phường Ea Kao: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 71 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 248 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 177 tỷ đồng;

+ Phường Tân Lập: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 228 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 303 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 75 tỷ đồng;

+ Xã Ia Lốp: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 30 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 99 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 69 tỷ đồng;

+ Xã Sơn Hòa: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 29 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 244 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 215 tỷ đồng;

+ Xã Đức Bình: năm 2026, ước thu thuế, phí (theo cách tính) là 76 tỷ đồng, chi thường xuyên trên địa bàn 117 tỷ đồng; chênh lệch thu thuế, phí (theo cách tính) - chi thường xuyên là âm 41 tỷ đồng;

Căn cứ kết quả rà soát nêu trên, dự kiến chia các địa phương thành 02 nhóm theo dư địa điều tiết, gồm:

(1) **Nhóm 1**: Các xã, phường có dư địa nghiên cứu điều tiết: có 03 phường thuộc Trung tâm động lực phía Tây (Buôn Ma Thuột, Tân An, Thành Nhất) và phường Tuy Hòa thuộc Trung tâm động lực ven biển phía Đông.

(2) **Nhóm 2**: Các xã, phường còn lại đề xuất không điều tiết về ngân sách cấp tỉnh, gồm: 23 xã dự kiến trở thành phường, 04 xã biên giới, 51 xã đặc biệt khó khăn và các xã, phường khác chưa có dư địa điều tiết.

Đối với các địa phương ở nhóm 1 thuộc hai trung tâm động lực, đề xuất phân chia nguồn thu theo hướng vừa điều tiết nguồn thu về ngân sách cấp tỉnh, vừa ưu tiên để lại nguồn để phát triển Trung tâm động lực theo định hướng quy hoạch tỉnh.

Các địa phương ở nhóm 2 cần ưu tiên nguồn lực để đáp ứng nhu cầu chi, thực hiện nhiệm vụ đặc thù tại khu vực biên giới và bảo đảm các nhiệm vụ chi thiết yếu.

* Về tỷ lệ phân chia: Thuế thu nhập cá nhân và Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu) thực hiện phân chia:

STT	Tên xã, phường	Quy định hiện hành		Đề xuất sửa đổi	
		Cấp tỉnh hưởng (%)	Cấp xã hưởng (%)	Cấp tỉnh hưởng (%)	Cấp xã hưởng (%)
01	Phường Buôn Ma Thuột	80	20	70	30
02	Phường Tân An	70	30	70	30
03	Phường Tuy Hòa	50	50	50	50
04	Phường Thành Nhất	40	60	50	50
05	Phường Tân Lập	55	45	0	100
06	Xã Ia Lốp	75	25	0	100
07	Phường Bình Kiến	40	60	0	100
08	Phường Ea Kao	30	70	0	100
09	Xã Đức Bình	50	50	0	100
10	Xã Sơn Hòa	40	60	0	100
11	Các xã, phường còn lại	0	100	0	100

b3) Phương án xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia tiền sử dụng đất:

- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án, khu đất do cấp tỉnh đầu tư hoặc quản lý và các khoản thu tiền sử dụng đất khác thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh, thực hiện phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và xã phường nơi có phát sinh số thu như sau: ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp xã nơi phát sinh số thu hưởng 20% (được hiểu là NSTW 15%; ngân sách tỉnh 68%; ngân sách xã 17%).

Thu tiền sử dụng đất từ các dự án, khu đất do ngân sách cấp xã đầu tư hoặc quản lý; thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tái định cư từ các khu tái định cư do ngân sách cấp xã đầu tư; thu chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã, phường; thu tiền sử dụng đất từ đất xen kẹp; các khoản thu tiền sử dụng đất khác thuộc phạm vi quản lý của cấp xã:

+ Đối với các phường: ngân sách cấp tỉnh hưởng 20%, ngân sách cấp xã hưởng 80% (được hiểu là NSTW 15%; ngân sách cấp tỉnh 17%, ngân sách cấp xã 68%);

+ Đối với các xã: ngân sách cấp xã hưởng 100% (được hiểu là NSTW 15%; ngân sách cấp xã 85%).

* Cơ sở đề xuất tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã như sau:

- Đối với các dự án, khu đất do cấp tỉnh đầu tư hoặc quản lý và các khoản thu tiền sử dụng đất khác thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh, đề xuất ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp xã nơi phát sinh số thu hưởng 20%. Phương án này nhằm tập trung phần lớn nguồn thu cho ngân sách cấp tỉnh để thực hiện kế hoạch đầu tư công, bảo đảm nguồn lực cho các công trình, dự án theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định; đồng thời phân chia một phần nguồn thu cho ngân sách cấp xã để tăng nguồn lực đầu tư hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Đối với các dự án, khu đất do ngân sách cấp xã đầu tư hoặc quản lý; thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tái định cư từ các khu tái định cư do ngân sách cấp xã đầu tư; thu chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã, phường và các khoản thu tiền sử dụng đất khác thuộc phạm vi quản lý của cấp xã, đề xuất phân chia phần ngân sách địa phương được hưởng theo 02 nhóm: (1) đối với các phường, ngân sách cấp tỉnh hưởng 20%, ngân sách cấp xã hưởng 80%; (2) đối với các xã còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%. Phương án phân chia này nhằm gắn nguồn thu tiền sử dụng đất với trách nhiệm quản lý, đầu tư và phát triển hạ tầng của cấp xã, đồng thời bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ đầu tư và cân đối chung của ngân sách cấp tỉnh. Đối với các phường, việc phân chia một phần nguồn thu về ngân sách cấp tỉnh, đồng thời để lại phần lớn nguồn thu cho ngân sách cấp xã, nhằm hài hòa giữa yêu cầu cân đối chung và nhu cầu đầu tư, phát triển hạ tầng đô thị tại địa phương. Đối với các xã còn lại, đề xuất ngân sách cấp xã hưởng toàn bộ phần ngân sách địa phương được hưởng nhằm tăng nguồn lực đầu tư hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và từng bước nâng cao khả năng tự cân đối ngân sách.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực

Việc thực hiện Nghị quyết sử dụng bộ máy, nhân lực hiện có của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kinh phí thực hiện được bảo đảm trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

- UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Thời gian trình thông qua Nghị quyết: Kỳ họp chuyên đề cuối năm, HĐND tỉnh khóa XI.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN: Không.

Trên đây là Tờ trình của Sở Tài chính về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026, Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

(1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh;

(2) Dự thảo Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..../..../2026 của UBND tỉnh;

(3) Báo cáo số 794/BC-STC ngày 18/10/2026 của Sở Tài chính tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026;

(4) Báo cáo số ...../BC-STC ngày .../..../2026 của Sở Tài chính về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến Nghị quyết;

(5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc của Sở Tài chính ngày ..../...../2026;

(6) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết với Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND;

(7) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội của Sở Tài chính ngày ..../11/2026;

(8) Báo cáo thẩm định số ...../BCTĐ-STP ngày ..../11/2026 của Sở Tư pháp;

(9) Báo cáo số ...../BC-STC ngày ..../11/2026 của Sở Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Nơi nhận:
- Như trên (để trình);
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, TH&QLNS(M).

GIÁM ĐỐC

Cao Đình Huy